

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026
của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước

Thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 79-NQ/TW), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao trong hành động của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của kinh tế nhà nước đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, góp phần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng chiến lược phát triển, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; qua đó góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 79-NQ/TW, đưa Nghệ An phát triển nhanh và bền vững.

- Quá trình thực hiện phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 79-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của Nghệ An. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể, gắn với thời hạn thực hiện đảm bảo hiện thực hóa mục tiêu đưa kinh tế nhà nước là thành phần đặc biệt quan trọng của nền kinh tế quốc gia.

2. Yêu cầu

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên nêu cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị, tinh thần tự giác, gương mẫu trong thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW.

- Kế thừa, phát huy những kết quả đạt được; khắc phục hạn chế, yếu kém; phát huy truyền thống và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo đảm việc triển khai thực hiện thực chất, hiệu quả, tuyệt đối không hình thức. Đồng thời,

thiết lập cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Rà soát, bổ sung, cập nhật những chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp mới, hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đề ra.

- Gắn việc triển khai Nghị quyết số 79-NQ/TW với thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, định hướng chiến lược của kinh tế nhà nước trong những ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu, chiến lược của tỉnh; dẫn dắt, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển; góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống người dân; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước, cực tăng trưởng tầm quốc gia; là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ về công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thương mại, logistics, du lịch. Tầm nhìn đến năm 2045, Nghệ An trở thành tỉnh có thu nhập cao, phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- Về đất đai, tài nguyên: Quản lý, khai thác, huy động và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Về tài sản kết cấu hạ tầng: Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới; tập trung hoàn thành các dự án trọng điểm, quy mô lớn, kết nối liên vùng, liên tỉnh.

- Về ngân sách nhà nước: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 tăng bình quân 12% trở lên; tổng mức vay của ngân sách địa

phương phải nằm trong giới hạn nợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; tập trung bố trí vốn đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, trong đó ưu tiên vốn để giải phóng mặt bằng, phần đầu tỷ trọng chi đầu tư phát triển đạt trên 35% tổng chi ngân sách, chi thường xuyên chiếm tỷ trọng khoảng 65% tổng chi ngân sách.

- Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Về doanh nghiệp nhà nước: Cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp để doanh nghiệp nhà nước góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh. Phần đầu 100% doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, điều hành và giám sát tài chính. Hoàn thành công tác hợp nhất 07 doanh nghiệp công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh thành 01 doanh nghiệp, tiến tới tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp công ích thủy lợi.

- Về đơn vị sự nghiệp công lập: Tiếp tục xã hội hóa mạnh mẽ việc cung cấp dịch vụ công; tiếp tục tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Phần đầu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Kinh tế nhà nước Nghệ An trở thành nền tảng vững chắc bảo đảm tự chủ chiến lược, tự cường và sức cạnh tranh toàn diện của nền kinh tế; quản trị hiện đại, minh bạch, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao; góp phần cùng với các khu vực kinh tế khác hiện thực hóa mục tiêu đưa Nghệ An trở thành tỉnh có thu nhập cao, phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại.

Phần đầu trên 50% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên hoạt động hiệu quả theo cơ chế thị trường.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Nhất quán nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng đối với kinh tế nhà nước; kịp thời ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện, giao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị quán triệt toàn thể công chức, viên chức, người lao động đổi mới mạnh mẽ tư duy, nhận thức, hành động; xây dựng Nhà nước kiến tạo, phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt, hiệu quả.

- Tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 79-NQ/TW và vị trí, vai trò của kinh tế nhà nước theo hướng đa dạng hóa các hình thức, phương thức tuyên truyền; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Triển khai rà soát, xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật bảo đảm đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế; thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật - kỷ cương. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng Sở, ban, ngành trong các hoạt động phát triển kinh tế nhà nước; phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh.

- Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, công bằng, minh bạch giữa các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh, bảo đảm khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước. Khuyến khích các hình thức hợp tác công - tư trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, kết cấu hạ tầng và cung cấp dịch vụ công. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức kinh tế nhà nước; giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Chú trọng xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong khu vực kinh tế nhà nước của tỉnh, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia; bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, năng lực và đạo đức công vụ. Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút, trọng dụng nhân tài, gắn trách nhiệm, quyền hạn với kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; từng bước cải thiện chế độ đãi ngộ theo hướng tiệm cận cơ chế thị trường.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong quá trình triển khai các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh. Thiết lập quy trình xem xét, đánh giá khách quan, độc lập, toàn diện để phân biệt rõ sai sót khách quan với hành vi vi phạm pháp luật, làm cơ sở xử lý đúng người, đúng việc, không để cán bộ có năng lực, tâm huyết e ngại, né tránh trách nhiệm.

- Rà soát, xây dựng chuyên mục riêng tại trang, cổng thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương để công bố công khai thông tin về quy hoạch, dự án đầu tư, đấu thầu, các thủ tục hành chính và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý kinh tế nhà nước của tỉnh, bảo đảm kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia; trong đó chú trọng dữ liệu về doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, vốn, tài sản và các nguồn lực nhà nước. Tăng

cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước, làm cơ sở phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và hoạch định chính sách của tỉnh.

- Tăng cường lãnh đạo đối với công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, bảo đảm chấm dứt tình trạng chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, bảo đảm thống nhất với lộ trình chuyển đổi số của tỉnh. Xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra gây khó khăn cho tổ chức, đơn vị; tập trung phát hiện, xử lý dứt điểm các vụ việc gây thất thoát, lãng phí, tiêu cực, thu hồi tối đa cho Nhà nước các tài sản, kinh phí bị sử dụng sai mục đích hoặc bị chiếm đoạt; đồng thời triển khai quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh xử lý các dự án, công trình tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh nhằm khơi thông, phát huy hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Đối với đất đai và tài nguyên

- Cụ thể hoá các chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý đất đai, tài nguyên phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch liên quan, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy hoạch; công bố công khai thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng; tăng cường phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong năm 2026, hoàn thiện đo đạc, thống kê, số hóa, làm sạch dữ liệu đất đai, kết nối liên thông đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia; rà soát, cơ cấu lại quỹ đất, nhất là cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp các đơn vị hành chính phục vụ phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, đô thị, nhà ở xã hội, gắn với bảo đảm an ninh lương thực, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án vướng thủ tục, chậm tiến độ; đưa vào khai thác nguồn lực đất đai bị lãng phí, đất công, trụ sở cơ quan không sử dụng, đất trong các vụ việc tranh chấp, vụ án kéo dài; kiên quyết thu hồi các diện tích đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích, gây lãng phí.

- Khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tăng cường công tác điều tra, thăm dò và quản lý hoạt động khai thác khoáng sản. Khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước.

Tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện các loại tài sản công gắn với tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh (đất đai, khoáng sản, rừng, tài nguyên nước, hệ sinh thái tự nhiên...) để xây dựng cơ chế quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả nguồn lực tài sản nhà nước. Nghiên cứu lồng ghép các giá trị tài sản sinh thái, tín chỉ carbon, dịch vụ hệ sinh thái vào quá trình quản lý, khai thác tài nguyên; từng bước xây dựng chương trình hành động về quản lý và phát huy giá trị tài sản sinh thái của tỉnh Nghệ An, góp phần tạo nguồn lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Chú trọng hiện đại hóa công tác quản trị, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật hiện đại trong đánh giá, khai thác, chế biến tài nguyên, bảo vệ và phục hồi môi trường theo định hướng phát triển bền vững, xanh, tuần hoàn và carbon thấp; định hướng khai thác hợp lý, tiết kiệm, gắn với chế biến sâu và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng xanh và bền vững; khai thác hiệu quả tiềm năng năng lượng tái tạo; nâng cao năng lực quản lý, giám sát môi trường biển, thủy sản; phát triển hạ tầng và dịch vụ phục vụ kinh tế biển gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Thu hút đầu tư các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn bằng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Huy động nguồn lực đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu công nghiệp, cơ sở y tế; giải quyết căn bản tình trạng ngập úng cục bộ tại các đô thị và một số vùng trũng thấp.

- Nghiên cứu, tiếp cận và ứng dụng khoa học - công nghệ trong quản lý, khai thác các không gian phát triển mới, gồm không gian ngầm, tài nguyên số và hạ tầng viễn thông; từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu, bản đồ số phục vụ công tác quy hoạch, quản lý và thu hút đầu tư. Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội, hợp tác công tư trong đầu tư, khai thác hiệu quả tài nguyên, nhất là trong các lĩnh vực hạ tầng, năng lượng, trí tuệ nhân tạo và kinh tế số. Chủ động đấu tranh phòng, chống hoạt động lợi dụng công nghệ số, giao dịch điện tử... để xâm phạm lợi ích của Nhân dân, an ninh kinh tế và an ninh quốc gia.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, có tầm nhìn dài hạn, gắn với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và thích ứng với biến đổi khí hậu. Lập mới, điều chỉnh các quy hoạch bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, có kết cấu hạ tầng mang tính liên kết vùng, liên ngành, đa mục tiêu, khai thác hiệu quả, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, hạ tầng số, hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu gắn với hạ tầng phòng, chống thiên tai.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế huy động, quản lý, khai thác và sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, khuyến khích mở rộng các hình thức hợp tác công tư phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, như “đầu tư công - quản trị tư”, “đầu tư tư - sử dụng công” và các mô hình hợp tác hiệu quả khác; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, phòng chống thất thoát, lãng phí, gắn với tăng cường giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan có thẩm quyền.

- Đổi mới tư duy trong phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, vật liệu tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, tạo các công trình kiến trúc điểm nhấn, bền vững với thời gian. Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng giao thông có tính kết nối, lan tỏa cao, bảo đảm liên kết giữa các phương thức vận tải, đặc biệt là các trục chiến lược kết nối vùng đồng bằng, ven biển với khu vực miền Tây, trọng tâm là quốc lộ 7 và quốc lộ 48. Nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường xã và xây dựng cầu lớn qua sông, hoàn thiện mạng lưới giao thông liên vùng. Đẩy nhanh hoàn thiện thủ tục, thu hút đầu tư các cảng biển chiến lược theo quy hoạch; nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Vinh đạt tiêu chuẩn sân bay cấp 4E. Phối hợp triển khai thực hiện đúng tiến độ các dự án giao thông trọng điểm quốc gia đoạn qua địa bàn tỉnh. Tập trung chỉ đạo triển khai các dự án trọng điểm bảo đảm tiến độ đề ra, như: cao tốc Vinh - Thanh Thủy; nhiệt điện Quỳnh Lập; cảng nước sâu Cửa Lò; mở rộng quốc lộ 46 đoạn Vinh - Nam Đàn; trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới, các khu tái định cư phục vụ tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; các dự án hạ tầng khu công nghiệp (Thọ Lộc; VSIP 3; WHA 1, 2; Hoàng Mai 1, 2...).

- Đột phá về phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Tập trung đầu tư hệ thống hạ tầng xã hội về giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao, dạy nghề và an sinh xã hội. Phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt và phòng, chống thiên tai. Tập trung đầu tư các công trình quan trọng như Đập sông Lam, Hồ Bản Mòng (giai đoạn 2), hệ thống thủy lợi Nam và đê sông Cả; xây dựng mới, nâng cấp hồ đập, trạm bơm, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão; xây dựng, cải tạo công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

2.3. Đối với ngân sách nhà nước và quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

a) Ngân sách nhà nước

- Thực hiện nghiêm túc việc điều hành ngân sách theo chỉ đạo Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương về dự toán ngân sách hàng năm và

tình hình thực tiễn. Phân định rõ chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp chính quyền trong việc huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính, gắn với trách nhiệm giải trình; theo nguyên tắc cấp nào thực hiện hiệu quả, kịp thời nhất thì giao cho cấp đó thực hiện; tăng cường tính chủ động của các xã, phường trong khai thác tiềm năng, lợi thế và tổ chức điều hành ngân sách linh hoạt đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn, giảm sự phụ thuộc vào ngân sách cấp trên. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, chấp hành dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định của pháp luật. Tranh thủ tối đa các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết của Quốc hội để huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuế, hải quan và kho bạc nhà nước; thực hiện đơn giản hóa, loại bỏ những thủ tục không cần thiết; đồng thời, áp dụng rộng rãi dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân nộp thuế, giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Nghiên cứu các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào những lĩnh vực mũi nhọn có tiềm năng đóng góp lớn cho ngân sách và tăng trưởng kinh tế, như công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo, du lịch, dịch vụ logistics,...

- Đa dạng hóa các nguồn thu, tăng cường quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn thu tiềm năng; thực hiện quyết liệt chống thất thu ngân sách, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thuế; thường xuyên làm tốt công tác phân tích, đánh giá toàn diện tình hình thu của từng sắc thuế, từng địa bàn, từng đối tượng để có giải pháp chỉ đạo thu kịp thời, sát đúng thực tế. Chủ động nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện, rà soát và tổ chức thực hiện kịp thời các chính sách thu mới theo quy định của Trung ương.

- Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên; phân bổ và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, khắc phục tình trạng dàn trải, manh mún; ưu tiên các công trình, dự án trọng điểm, có tính lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án; đôn đốc giải ngân nguồn vốn đầu tư, thực hiện điều chuyển vốn đối với các công trình chậm tiến độ cho các công trình có tiến độ triển khai nhanh nhưng chưa được bố trí đủ vốn, không để tình trạng chuyển nguồn, lãng phí, không hiệu quả nguồn vốn đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Điều hành, quản lý chi ngân sách bảo đảm theo dự toán được giao, chặt

chế, đúng chế độ, quy định; chủ động điều hành ngân sách phù hợp với tiến độ thu ngân sách. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định; ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm đúng quy định, hiệu quả.

- Chỉ đạo đa dạng hóa các kênh huy động vốn cho ngân sách địa phương, bảo đảm nguyên tắc vay chỉ để đầu tư phát triển và trong khả năng cân đối, trả nợ; tăng cường quản lý, giám sát nợ chính quyền địa phương; thực hiện công khai, minh bạch thông tin về vay và trả nợ, xây dựng kế hoạch vay, trả nợ trung hạn gắn với kiểm soát rủi ro, bảo đảm an toàn tài chính - ngân sách của tỉnh.

b) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh, bảo đảm hoạt động đúng mục tiêu, đúng quy định của pháp luật; mỗi quỹ phải có cơ chế giám sát độc lập, chế độ báo cáo định kỳ, gắn chặt với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và chủ trương của Trung ương.

- Xây dựng và triển khai Đề án rà soát, sắp xếp lại các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó rà soát toàn diện các quỹ do tỉnh quản lý; thực hiện sáp nhập, giải thể các quỹ ngoài ngân sách trùng lặp chức năng, kém hiệu quả, không phù hợp với yêu cầu phát triển; giảm đầu mỗi để tăng quy mô, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các quỹ; tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, nâng cao năng lực chuyên môn, áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến, chú trọng yếu tố minh bạch và trách nhiệm giải trình. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn của các quỹ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa, thực hiện quy trình từ lập kế hoạch, xét duyệt, giải ngân, giám sát, đánh giá, báo cáo đảm bảo công khai minh bạch trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Đổi mới phương thức quản lý, vận hành các quỹ theo hướng chuyên nghiệp, từng bước mở rộng việc ủy thác quản lý tài chính quỹ cho các tổ chức tín dụng, ngân hàng, công ty tài chính có đủ năng lực; các cơ quan nhà nước tập trung vào xây dựng cơ chế, tiêu chí, điều kiện huy động và giải ngân vốn, tăng cường giám sát, kiểm soát rủi ro. Đa dạng hóa các kênh huy động, bao gồm hợp tác công tư, tiếp nhận viện trợ và tài trợ quốc tế,...; giải ngân vốn cần ưu tiên cho các dự án có tính đột phá, tạo lan tỏa rộng và mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng.

- Thực hiện nghiêm chủ trương không thành lập mới các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ trường hợp thật sự cấp bách, cần thiết theo quyết định của cấp có thẩm quyền; bảo đảm kỷ luật tài chính, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước.

c) Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

- Triển khai kế hoạch chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp 100% vốn nhà nước cùng ngành nghề theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để hình thành chuỗi giá trị, tăng quy mô, nâng cao hiệu quả quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

- Thực hiện tái cơ cấu, thoái phần vốn góp của nhà nước tại một số doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật.

2.4. Đối với doanh nghiệp nhà nước

a) Tiếp tục củng cố, phát triển, doanh nghiệp nhà nước

- Củng cố, phát triển doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh; bảo đảm doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong một số ngành, lĩnh vực then chốt, phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của tỉnh như: dịch vụ công ích, nông - lâm nghiệp và các lĩnh vực thiết yếu khác mà Nhà nước cần nắm giữ để bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước chủ động hợp tác với các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế khác trong chuỗi giá trị, nhất là doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm hình thành các nhóm liên kết dẫn dắt, tiên phong, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ, phát huy lợi thế, sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

b) Thúc đẩy đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để kinh doanh hiệu quả, bền vững

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, gắn với chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước chủ động xây dựng bộ phận nghiên cứu - phát triển, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động. Đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà

kính, phát triển kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu; qua đó phát huy vai trò nòng cốt trong thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững của tỉnh.

- Gắn hoạt động nghiên cứu, phát triển với ứng dụng thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh, bảo đảm các kết quả nghiên cứu được triển khai hiệu quả, tạo giá trị gia tăng và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; đồng thời triển khai cơ chế thương mại hóa, chia sẻ và lan tỏa công nghệ, thúc đẩy doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác cùng phát triển. Nghiên cứu tham gia mở rộng, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc tham gia vào các dự án đầu tư, hợp đồng chuyển giao công nghệ.

c) Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản trị doanh nghiệp. Triển khai có hiệu quả công tác giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Rà soát và có giải pháp xử lý các dự án đầu tư kém hiệu quả, các doanh nghiệp thua lỗ.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp nhà nước nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích. Xem xét thay thế, miễn nhiệm đối với người quản lý, người đại diện phần vốn nhà nước thiếu trách nhiệm, năng lực yếu kém dễ xảy ra thất thoát, lãng phí, gây ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát triển của doanh nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tiền lương, bảo đảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trong việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

d) Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước.

Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại, chuyển đổi, cổ phần hoá, thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước theo chủ trương và danh mục do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong từng giai đoạn. Theo đó, tập trung cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước một cách thực chất, hiệu quả, giảm đầu mối, tăng quy mô nhằm thực hiện tốt hơn vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh mới; bảo đảm không làm thất thoát tài sản của Nhà nước. Việc cơ cấu lại doanh nghiệp thực hiện trên nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật.

2.5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Rà soát, sắp xếp danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Bảo đảm đủ nguồn lực cho việc cung ứng các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu, kiên quyết không để thiếu hụt về nhân lực, tài chính làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân; đẩy mạnh chuyển các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hóa cao sang thực hiện theo cơ chế thị trường, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, chuyển dần từ phương thức cấp trực tiếp kinh phí cho đơn vị sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng chính sách theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí đối với dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, gắn với cơ chế kiểm soát chặt chẽ. Thực hiện đơn giản hóa quy trình đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu cung ứng dịch vụ công; từng bước điều chỉnh giá, phí dịch vụ công theo lộ trình phù hợp khả năng chi trả của người dân và cân đối ngân sách địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả.

- Khuyến khích khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; mở rộng và nâng cao hiệu quả các hình thức hợp tác công tư trong những lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công có khả năng cạnh tranh. Chú trọng cơ chế hợp tác về nhân lực, thương hiệu và công nghệ, bảo đảm các chủ thể tham gia thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập trong những ngành, lĩnh vực đủ điều kiện sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; mở rộng quyền tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm tối thiểu chi thường xuyên trở lên về tổ chức bộ máy, tiền lương, tuyển dụng và sử dụng nhân sự gắn với kết quả hoạt động như doanh nghiệp nhà nước. Tập trung đầu tư, phát triển một số đơn vị sự nghiệp công lập quan trọng có tiềm lực, khả năng cạnh tranh trong các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, công nghệ chiến lược.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động và tính minh bạch của đơn vị sự nghiệp công lập thông qua đổi mới mô hình quản trị, điều hành theo chuẩn mực tiên tiến, hiện đại, gắn với trách nhiệm người đứng đầu; thí điểm thuê giám đốc điều hành, thành lập bộ phận tư vấn chuyên sâu tại các đơn vị quy mô lớn; củng cố vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng theo quy định. Đẩy mạnh kiểm định, đánh giá độc lập và công khai chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, hoàn thiện tiêu chí xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập; ứng dụng công nghệ số để người dân tham gia đánh giá mức độ hài lòng đối với dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tổ chức phổ biến, quán triệt sâu rộng và triển khai nghiêm túc Nghị quyết số 79-NQ/TW, Chương trình này gắn với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm kịp thời, thiết thực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đề ra.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế nhà nước phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 79-NQ/TW và Chương trình hành động này đến từng chi bộ, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

4. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh cụ thể hóa và xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW và Chương trình hành động này; phân công rõ trách nhiệm của từng sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong triển khai nhiệm vụ. Đề xuất những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển kinh tế nhà nước. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để chỉ đạo giải quyết, bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, nghiêm túc và đạt kết quả thực chất. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Khắc Thận